

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2019/HS-ST

Ngày 18-10-2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thi Thơ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Văn Lâm

Ông Lê Tấn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm **thụ lý số: 20/2019/TLST-HS, ngày 15-8-2019** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HS, ngày 03-10-2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Thế T** (Tên gọi khác: C), sinh ngày 13 tháng 11 năm 1987, tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn W, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề N1: không nghề; trình độ văn hóa 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn V và bà Hồ Thị Đ; vợ con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam ngày 07-5-2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Về nhân thân: Ngày 24-11-2006 bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2006/HSST ngày 24-11-2006.

2. **Nguyễn Duy Q1**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1999, tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn W, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề N1: Buôn bán; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn T1 và bà Nguyễn Thị P; vợ: Đặng Thị Thảo N; con: có 01 người con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam ngày 07-5-2019 đến ngày 14-8-2019 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lãnh. Ngày 15-8-2019 áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

3. **Phạm Ngọc T2** (tên gọi khác: U), sinh ngày 01 tháng 5 năm 1995, tại huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn W, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề N1: không nghề; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm M và bà Nguyễn Thị A; vợ con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giam ngày 07-5-2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ **Ông Võ Văn K**, sinh năm 1975. Vắng mặt

Trú tại: thôn Y, xã R, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ **Ông Nguyễn Tấn B**, sinh năm 1984. Vắng mặt

Trú tại: thôn D, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ **Ông Nguyễn Văn N1**, sinh năm 1989. Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Trú tại: thôn X, xã Z, huyện C1, tỉnh Quảng Ngãi.

+ **Ông Trần Đức D1**, sinh năm 1973. Vắng mặt

Trú tại: thôn Z1, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Khắc C2, sinh năm 1999. Vắng mặt.

Phan Văn L, (tên gọi khác: N2), sinh năm 1996

Cùng trú tại: thôn W, xã E, huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng chiều ngày 28/03/2016, **Nguyễn Thế T**, sinh ngày 13/11/1987, tên thường gọi: **C**; **Nguyễn Duy Q1**, sinh ngày 01/01/1999; **Phạm Ngọc T2**, sinh ngày 01/05/1995, tên thường gọi: **U**; **Nguyễn Khắc C2**, sinh ngày 12/01/1999; **Phan Văn L**, sinh ngày 18/10/1996, tên thường gọi: **N2**, đều trú tại thôn W, xã E, huyện Q và **Nguyễn Văn T3**, sinh ngày 30/04/2000, trú tại thôn Q2, xã E, huyện Q, cùng tập trung ở nhà **Nguyễn Thế T** ở thôn W, xã E để ăn và uống rượu. Lúc này, **T** rủ cả nhóm là ăn và uống xong đi lấy tiền ông thì những người còn lại đều đồng ý, riêng **T2** lúc đó có việc ra ngoài nên không nghe **T** rủ, một lúc sau **T2** quay lại để ăn và uống rượu tiếp. Sau khi ăn và uống rượu xong, **T** tiếp tục rủ cả nhóm một lần nữa đi lấy tiền ông, tuy **T** không nói rõ tiền ông là gì nhưng cả nhóm đều hiểu là tiền bảo kê đối với các trại ông và tất cả đều đồng ý. Khi đi, **T** cầm theo một **T3** nhôm dạng ống hình chữ nhật dài khoảng 40cm. **Phạm Ngọc T2** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76U1-091.42 chở **Nguyễn Thế T**, **Nguyễn Duy Q1**; **Nguyễn Văn T3** điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 76T8-6412 chở **Nguyễn Khắc C2**, **Phan Văn L** cùng đi đến trại nuôi ông của anh **Võ Văn K**, sinh năm 1975, trú tại thôn E1, xã V1, huyện P1, ở thôn Q2,

xã E. Đến nơi, T, T2, Q1 bước vào trại gặp anh K hỏi: “Có phải ông là chủ trại ong không?”, khi nghe anh K nói phải thì T hỏi có bao nhiêu thùng ong, anh K trả lời khoảng 1.000 thùng. T nói: “Bữa nay tôi lên thu tiền ong, một thùng hai chục ngàn đồng, đếm thùng lấy tiền”, khi nghe anh K nói nuôi ong sáu bảy năm nay nhưng chưa nghe ai nói đóng tiền bảo kê thì T nói tiếp: “nay bà bán rau ngoài chợ cũng phải đóng tiền”. Anh K nói chưa có tiền thì T nói: “Thứ năm đến lấy, không thì bọn tôi phá sạch”. Sau đó cả nhóm bỏ đi và tiếp tục đi đến trại nuôi ong của anh Nguyễn Tấn B, sinh năm 1984, trú tại thôn A1, xã E, ở thôn K1, xã E. Đến nơi, cả nhóm bỏ xe cách lều nuôi ong (nơi người nuôi ong nghỉ ngơi và ngủ lại giữ trại) một đoạn khoảng 10,8m và cùng vào khu vực nuôi ong. C2, L, T3 đứng ở ngoài lều, cách lều khoảng 5m đến 6m còn T, Q1 và T2 bước vào trong lều, sử dụng điện thoại để chiếu sáng, T vừa đi vừa gọi: “Nuôi ong đâu, nuôi ong đâu” nhưng không có ai trả lời. Vào trong lều, thấy anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1989, trú tại thôn X, xã Z, huyện C1, đang ngủ thì T kêu dậy nói: “Đụ mẹ mày điếc nè sao tao kêu mày không nghe, lần sau tao kêu là phải thừa nhen”, vừa nói T vừa cầm thanh nhôm đánh nhiều cái vào mặt và vai của anh N1, T2 và Q1 cũng xông vào và dùng chân tay đánh, đá nhiều cái vào người anh N1. Sau đó, khi nghe T nói đến lấy tiền thì anh N1 nói anh chỉ là người làm thuê, T yêu cầu anh N1 phải gọi ông chủ trại ong lên cho T nói chuyện thì anh N1 điện thoại cho anh Nguyễn Tấn B theo yêu cầu của T. Trong thời gian ngồi chờ anh B lên, T hỏi anh N1: “Mày có nuôi gà, nuôi chó không?” thì anh N1 trả lời là có chó chứ không có gà, T hỏi chó đâu thì anh N1 nói chó chạy mất rồi. T hăm dọa: “Nếu tao kiếm ra thì mày chết mẹ mày nhen” rồi nói T2 ra phía sau lều kiếm. Lúc này, T2 ra phía sau lều dùng điện thoại chiếu sáng thì phát hiện có một con gà trống đang nhốt trong giỏ tre nên bắt gà đem vào lều đưa cho T. T treo cánh con gà bỏ xuống đất, dùng thanh nhôm đánh con gà, vừa đánh T vừa nói: “Chứ con gì đây không phải con gà mày”, khi anh N1 nói: “Gà người ta gửi chứ không phải gà của em” thì T tiếp tục dùng thanh nhôm đánh vào người anh N1, còn T2 và Q1 dùng chân tay tiếp tục đánh anh N1 nhiều cái. Sau đó, T kêu Nguyễn Khắc C2 đang đứng ngoài lều vào bắt con gà đem ra xe thì C2 đi vào cầm con gà đem ra xe để. Một lúc sau, anh B đến thì T tiếp tục yêu cầu anh B đưa tiền bảo kê ong, anh B nói chưa có tiền thì T hỏi nuôi bao nhiêu thùng. Nghe anh B nói khoảng trăm bảy trăm tám thùng thì T nói: “Vây trăm bảy tui lấy ông ba triệu”, anh B nói từ từ thì T nói: “Tao không cần biết, thứ năm tao lên lấy, không có chết mẹ với tao, khỏi ở đây”. Trong quá trình nói chuyện, T lấy một con dao (loại dao sắc thật) trong trại chặt nhiều cái vào các thùng nuôi ong rồi đang đặt trong lều. Sau đó, T đi ra ngoài và nói các nội dung: “Tao là C đây, đụ mẹ mày mà có bản lĩnh thì báo Công an đi”, “Nếu tui lấy tiền của ông mà ai lấy hòn đất tố, hay lấy cái gì của ông thì cứ kêu vô U1 tìm thằng C, C Hai V đó, lấy chiếc dép đánh vào mặt tui đó” tức là nếu anh B đưa tiền bảo kê cho T thì T sẽ bảo vệ trại nuôi ong không bị ai quấy phá. Nói xong, cả nhóm đi về, C2 giao con gà cho T2 giữ để lên xe cùng về nhà T để cắt con gà. Lúc này, xe mô tô biển kiểm soát 76U1-091.42 của T2 bị hư nên L lấy xe mô tô biển kiểm soát 76F1-021.17 của cha mình đưa cho T2 để chở T, Q1. Cả nhóm tiếp tục đi đến trại nuôi ong của anh Trần Đức D1, sinh năm 1973, trú tại thôn 5, xã Y1, huyện R1, tỉnh Lâm Đồng, ở thôn W, xã E. Đến nơi, T, T2 và Q1 vào trại còn C2, L, T3 đứng ở ngoài đường cách trại khá xa và bị cây bụi che khuất. T vào gặp anh Trần C4, sinh năm 1977, trú tại thôn Đ1, xã

M1, huyện Q là người đang làm thuê cho anh D1 tại đây và yêu cầu anh Chín điện thoại cho anh D1 nhưng điện thoại của anh C4 hết tiền. T đưa điện thoại của T2 cho anh C4 nói chuyện với anh D1, yêu cầu anh C4 nói với anh D1 về việc T lên thu tiền ong mỗi thùng 20.000 đồng. Anh D1 nói qua điện thoại là đang ở xa không về được, có gì hôm sau đến. Nghe vậy, T đi qua bên một trại nuôi ong ở gần đó, Q1 và T2 đi theo sau, thấy không có ai nên T đến lấy rổ chén bát để trước lều nuôi ong ra đập bể, rồi quay vào lều lấy một cái rựa đi ra phía trước lều nuôi ong đập đổ một số thùng nuôi ong, vừa đập vừa nói: “Thấy bác Ba làm mà tụi bây đứng ngó à”. Nghe vậy thì Q1, T2 xông vào tham gia cùng T đập đổ các thùng nuôi ong xung quanh, T còn dùng rựa chặt ngã một cây keo trong trại ong. Quá trình điều tra xác định trại nuôi ong bị đập phá này cũng là trại của anh Trần Đức D1, anh D1 giao cho anh Trần Hữu T4, sinh năm 1993, trú tại tổ 5, phường S1, thành phố L1, tỉnh Gia Lai trông coi nhưng khi thấy nhóm của T qua thì anh T4 không dám về trại. Tổng cộng số thùng ong bị đập đổ là 11 thùng. Sau đó, cả nhóm đi về nhà T lấy con gà bắt từ trại ong của anh B đem đến cầu B2, xã E làm thịt ăn, riêng T2 và T3 không tham gia ăn mà bỏ đi về nhà.

Quá trình làm việc, những người bị hại là những chủ trại nuôi ong xác định chỉ những thùng ong bị chết ong chúa mới xem là hư hỏng còn những thùng còn ong chúa thì chỉ bị thiệt hại nhẹ, một thời gian ngắn sau sẽ tự phục hồi. Do đó tài sản bị thiệt hại chỉ là 02 thùng nuôi ong ở trại của anh Nguyễn Tấn B, 06 thùng nuôi ong ở trại của anh Trần Đức D1 và 01 con gà trống nặng 2,5kg của anh Nguyễn Văn N1. Tại các bản kết luận định giá tài sản ngày 29/03/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Q xác định: 06 thùng nuôi ong của anh Trần Đức D1 bị thiệt hại 6.090.000 đồng, 02 thùng nuôi ong của anh Nguyễn Tấn B bị thiệt hại 2.030.000 đồng, 01 con gà trống của anh Nguyễn Văn N1 giá trị 250.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn N1 bị trầy xước, thương tích nhẹ nên từ chối giám định thương tật.

Quá trình điều tra, các bị can Q1, T2, C2, L và đối tượng Nguyễn Văn T3 khai nhận: Khi ăn và uống rượu tại nhà của T, T chỉ rủ đi lấy tiền ong và cả nhóm hiểu là đi thu tiền bảo kê nên đồng ý đi chứ cả nhóm không bàn bạc trước việc bắt gà và đập phá các thùng nuôi ong. Việc bắt gà và đập phá thùng nuôi ong phát sinh sau đó, do T, Q1, T2 và C2 tự ý thực hiện.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Duy Q1, Phạm Ngọc T2, Nguyễn Khắc C2, Phan Văn L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”, và Nguyễn Thế T, Nguyễn Duy Q1, Phạm Ngọc T2 phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24/11/2017 của TAND tỉnh Quảng Ngãi giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q. Đến ngày 23/3/2018, Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng đã có Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi và Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24/11/2017 của TAND tỉnh Quảng Ngãi vì xét thấy Tòa án hai cấp có dấu hiệu bỏ lọt tội “Cướp tài sản” đối với các bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Duy Q1, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Khắc C2.

Tại Quyết định số 70/2018/HS-GĐT ngày 13/11/2018 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng, chấp nhận một phần Quyết định Kháng nghị giám đốc thẩm của Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng, hủy Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24/11/2017 của TAND tỉnh Quảng Ngãi về phần tội danh, hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với các bị cáo Phạm Ngọc T2, Nguyễn Duy Q1 và hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10/8/2017 của TAND huyện Q về phần tội danh, hình phạt và tổng hợp hình phạt đối với bị can Nguyễn Thế T để điều tra lại theo đúng quy định pháp luật. Ngày 29/3/2019, Viện KSND huyện Q nhận được toàn bộ hồ sơ gốc do Viện KSND cấp cao tại Đà Nẵng chuyển giao, Viện KSND huyện Q đã chuyển hồ sơ vụ án cho Cơ quan CSĐT Công an huyện Q để điều tra lại theo thủ tục chung, kết quả quá trình điều tra lại như sau:

Đối với Nguyễn Thế T là đối tượng có nhân thân xấu, đã từng bị TAND huyện Q kết án về tội Trộm cắp tài sản tại Bản án số 14/2006/HSST ngày 24/11/2006, tuyên phạt Nguyễn Thế T 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án; có vai trò chủ mưu cầm đầu; tại trại nuôi ong của anh Nguyễn Tấn B ở thôn K1, xã E, huyện Q, T đã liên tục dùng vũ lực và đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc đối với anh Nguyễn Văn N1 để yêu cầu anh N1 giao nộp tài sản, thể hiện qua lời nói: “Nếu tao kiểm ra thì mày chết mẹ mày ghen”. Khi đồng bọn là Phạm Ngọc T2 bắt con gà trống của anh N1 mang vào trong lều đưa cho T thì T tiếp tục dùng thước nhôm để hành hung anh N1 và sai Nguyễn Khắc C2 đem con gà ra xe cất giữ.

Đối với Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 đều là người thực hành tích cực; khi phát hiện anh N1 đang ngủ bên trong lều trại thì hai bị can trực tiếp xông vào dùng tay và chân đánh anh N1, sau đó T2 ra phía sau tìm kiếm tài sản và bắt được con gà trống vào đưa cho Nguyễn Thế T rồi T2 và Q1 lại tiếp tục đánh anh N1.

Tại bản cáo trạng số 40/CT-VKS-NH ngày 13-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố các bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Duy Q1 và Phạm Ngọc T2 về các tội “Cướp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 133; “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 135 và tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 phạm tội “Cướp tài sản”, “Cưỡng đoạt tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Đối với bị cáo Nguyễn Thế T:

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 133; các điểm b, p Khoản 1 Điều 46; điểm n Khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo 03 (ba) năm đến 3 (ba) năm 03 (ba) tháng tù về tội “cướp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 135; các điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g, n Khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ

sung năm 2009 xử phạt bị cáo 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 143; các điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm n Khoản 1 Điều 48; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 xử phạt bị cáo 06 tháng đến 09 tháng tù về tội “cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 tổng hợp hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo 04 năm 06 tháng đến 05 năm 03 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã chấp hành xong hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi là 02 năm 07 tháng tù; thời gian đã tạm giam từ ngày 07-5-2019 đến ngày 18-10-2019 là 05 tháng 15 ngày tù. Tổng cộng là 03 năm 00 tháng 15 ngày.

Đối với bị cáo Phạm Ngọc T2:

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 133; các điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 135; các điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 09 tháng đến 11 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 143; các điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 tổng hợp hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo 03 năm đến 03 năm 07 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã chấp hành xong hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi và Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là 01 năm 09 tháng tù; thời gian đã tạm giam từ ngày 07-5-2019 đến ngày 18-10-2019 là 05 tháng 15 ngày tù. Tổng cộng là 02 năm 02 tháng 15 ngày.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy Q1:

Đề nghị áp dụng áp dụng Khoản 1 Điều 133; các điểm b, p Khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 54; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 09 tháng đến 10 tháng tù về tội “Cướp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 135; các điểm b, p Khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 54; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 06 tháng đến 08 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 143; các điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 54; Điều 91; Khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo 03 tháng đến 05 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 103 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 tổng hợp hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng đến 01 năm 11 tháng tù. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã chấp hành xong hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi và Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là 01 năm 03 tháng tù; thời gian đã tạm giam từ ngày 07-5-2019 đến ngày 18-10-2019 là 03 tháng 10 ngày tù. Tổng cộng là 01 năm 06 tháng 10 ngày.

Về hình phạt bổ sung: không

Về biện pháp tư pháp: Đã được giải quyết xong tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Ngãi và Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nên không tiếp tục xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không tiếp tục xem xét.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị quyết 326 của Quốc hội buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố; điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 37 Bộ luật Tố tụng hình sự; kiểm sát viên thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 42 Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không khiếu nại hành vi, quyết định tố tụng gì của điều tra viên, kiểm sát viên. Do đó, trình tự, thủ tục tố tụng trong vụ án là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thế T, Nguyễn Duy Q1 và Phạm Ngọc T2 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung vụ án. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của các bị cáo. Nhưng với mục đích hám dọa cá nhân nên vào chiều ngày 28-3-2016 các bị cáo Nguyễn Duy Q1, Phạm Ngọc T2 đã nghe lời rủ rê của bị cáo Nguyễn Thế T đi đến các trại ong của anh Võ Văn K, Nguyễn Tấn B, Trần Đức D1 trên địa bàn xã E để thu tiền bảo kê. Khi đến các trại ong, các bị cáo đã có hành vi đe dọa để buộc các trại ong phải nộp tiền bảo kê 20.000đ của mỗi thùng ong, nếu không nộp tiền thì các bị cáo sẽ phá sạch các thùng ong. Tuy các bị cáo chưa thu được tiền từ các chủ

trại ong, nhưng hành vi của các bị cáo đã nhiều lần đe dọa dùng vũ lực uy hiếp về tinh thần nhằm chiếm đoạt tài sản. Hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 135 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại trại ong của anh Nguyễn Tấn B ở thôn K1, xã E các bị cáo Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 đã cùng với Nguyễn Thế T đã thực hiện hành vi dùng vũ lực đối với anh Nguyễn Văn N1 (là người làm thuê cho anh Nguyễn Tấn B) làm cho anh N1 tê liệt về mặt ý chí không thể chống cự được để chiếm đoạt 01 con gà trống trị giá 250.000đ. Hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 phạm tội “Cướp tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 133 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tại trại ong anh Trần Đức D1 ở thôn Z1, xã E, các bị cáo Phạm Ngọc T2, Nguyễn Duy Q1 đã cùng với Nguyễn Thế T đã đập phá làm hư hỏng 06 thùng ong của anh D1, gây thiệt hại được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định là 6.090.000đ. Hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 phạm tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”; tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 143 Bộ luật hình sự là phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa 14, Nghị quyết số 01/2016/NQ-HĐTP ngày 30-6-2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, trong đó Nguyễn Thế T là người cầm đầu, rủ rê, xúi giục những người khác thực hiện; bị cáo Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 là những người thực hành.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 phạm tội nhiều lần đối với hành vi cưỡng đoạt tài sản, đối với bị cáo Nguyễn Thế T còn xúi giục người chưa thành niên phạm tội. Nên cần áp dụng điểm g, n Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T, áp dụng điểm g Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo T2 và Q1.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo; tự nguyện bồi thường khắc phục hậu quả; người bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo; nên cần áp dụng điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[5] Hội đồng xét xử cũng xét thấy: bị cáo Nguyễn Thế T có nhân thân xấu, bị cáo đã đi chấp hành án về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài

học mà vẫn cố ý tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với vai trò là người chủ mưu cầm đầu, rủ rê, xúi giục các bị cáo khác phạm tội, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho quá trình điều tra. Do đó, cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo Phạm Ngọc T2 có vai trò là người thực hành; bản thân bị cáo là người đã thực hiện xong nghĩa vụ Q1 sự, lẽ ra bị cáo phải nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật nhưng bị cáo lại nghe lời rủ rê của bị cáo T, cùng T thực hiện hành vi. Do đó, cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có vai trò đồng phạm không quan trọng trong vụ án và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên được hưởng chính sách hình sự nhân đạo, nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

Đối với bị cáo Nguyễn Duy Q1 có vai trò là người thực hành, bị cáo nghe theo lời rủ rê, xúi giục của bị cáo T, cùng T thực hiện hành vi. Do đó, cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất hành vi phạm tội để răn đe giáo dục bị cáo. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có vai trò đồng phạm không quan trọng trong vụ án, khi thực hiện tội phạm chưa đủ 18 tuổi và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên được hưởng chính sách hình sự nhân đạo, nên cần áp dụng Điều 54, Điều 91, Điều 101, Điều 103 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt và tổng hợp.

[6] Đối với Nguyễn Khắc C2: mặc dù, sau khi được Nguyễn Thế T gọi, C2 có vào lều đem con gà ra xe, nhưng C2 không biết T, T2 và Q1 dùng vũ lực để chiếm đoạt tài sản của anh N1. Do đó, không đủ cơ sở để chứng minh C2 đã tiếp nhận ý chí của các đồng phạm, nên C2 không phải là đồng phạm của T, Q1 và T2 đối với hành vi cướp tài sản.

[7] Đối với Phan Văn L, Nguyễn Khắc C2 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2017/HSST ngày 10-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Q và Bản án hình sự phúc thẩm số 10/2017/HS-PT ngày 24-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, về phần hình phạt đối với L và Chính đã có hiệu lực pháp luật và đã chấp hành xong nên không xem xét.

[8] Đối với 02 thùng ong bị hư hỏng tại trại ong của anh Nguyễn Tấn B. Trong quá trình điều tra, chưa chứng minh được ai là người đã đập đổ các thùng ong của anh B. Do đó, không đủ cơ sở để xử lý hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản đối với các bị cáo về phần thiệt hại này. Khi nào có đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

[9] Về dân sự và vật chứng: đã được giải quyết xong tại Bản án số 13/2017/HSST ngày 10-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Q và Bản án số 10/2017/HS-PT ngày 24-11-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi nên không xem xét.

[10] Về án phí: các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2 và Nguyễn Duy Q1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q phù hợp với nhận định trên, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 133; Khoản 1 Điều 135; Khoản 1 Điều 143; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g, n Khoản 1 Điều 48; Điều 33; Điều 53; **Điều 50** Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 đối với bị cáo **Nguyễn Thế T** (tên gọi khác: **C**).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 133; Khoản 1 Điều 135; Khoản 1 Điều 143; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; **Điều 33**; Điều 53; **Điều 50** Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Phạm Ngọc T2** (tên gọi khác: **U**).

- Căn cứ Khoản 1 Điều 133; Khoản 1 Điều 135; Khoản 1 Điều 143; điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; điểm g Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Điều 54; Điều 91; Khoản 1 Điều 101; Khoản 1 Điều 103 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo **Nguyễn Duy Q1**.

- Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Tuyên bố: các bị cáo **Nguyễn Thế T** (tên gọi khác: **C**), **Phạm Ngọc T2** (tên gọi khác: **U**) và **Nguyễn Duy Q1** phạm các tội “Cướp tài sản”, “Cưỡng đoạt tài sản” và “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

2- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thế T (tên gọi khác: **C**) 3 (ba) năm tù về tội “Cướp tài sản”; 01 (một) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải thi hành 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07-5-2019 (ngày bị bắt tạm giam); bị cáo được trừ thời gian đã chấp hành án là 2 (hai) năm 7 (bảy) tháng tù.

3- Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T2 (tên gọi khác: **U**) 02 (hai) năm tù về tội “Cướp tài sản”, 09 (chín) tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải thi hành 03 (ba) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 07-5-2019 (ngày bị bắt tạm giam); bị cáo được trừ thời gian đã chấp hành án là 1 (một) năm 9 (chín) tháng tù.

4- Xử phạt bị cáo Nguyễn Duy Q1 09 (chín) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, 06 (sáu) tháng 10 (mười) ngày tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và 03 (ba) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Tổng hợp hình phạt bị cáo phải thi hành 01 năm 06 tháng 10 ngày tù; bị cáo được trừ thời gian tạm giam từ ngày 07-5-2019 đến ngày 14-8-2019 là 3 tháng 10 ngày và được trừ thời gian đã chấp hành án là 1 (một) năm 3 (ba) tháng. Bị cáo Nguyễn Duy Q1 đã chấp hành xong hình phạt tù.

5- Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Thế T, Phạm Ngọc T2, và Nguyễn Duy Q1 mỗi bị cáo phải nộp **200.000đ** (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người vắng mặt tại phiên tòa kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Q;
- Cơ quan THAHS CA huyện Q;
- Nhà tạm giữ CA huyện Q;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Sở tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thi Thơ